TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÙ CANG CHẢI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày:14- 9- 2023.
V/v: Ly hôn,nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Tòng Văn Quân;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Giàng A Dình;
2. ông Lương Văn Sanh;

- Thư ký phiên toà: ông Lý A Dà- Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chảitham gia phiên toà*:** bà Vừ Thị Tình- Kiểm sát viên.

Trong ngày14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST- HNGĐ ngày 24/8/2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: chị Vừ Thị S, sinh năm 2000; Trú tại: bản T, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bị đơn: anh Giàng A C, sinh năm 1993; Trú tại: bản T, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

3. Người phiên dịch: ông Thào A Dờ; trú tại: tổ 5, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 06/07/2023 và tại phiên tòa chị Vừ Thị S trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị S và anh Giàng A C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, đến ngày 17/05/2021 đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Phạ, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Trong thời gian chung sống anh C thường đi chơi bời, nghiện chất ma túy không chịu khó làm ăn, khi chị S góp ý, nhắc nhở thì anh C không nghe, không thay đổi, chị S góp ý với anh C, nhưng anh C không quan tâm.

Nay chị S xác định không còn tình cảm với anh C nữa. Do vậy chị S đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải giải quyết được ly hôn Giàng A C.

- *Về con chung:*Có 04 con chung là:

1. Giàng Thị Ph, sinh ngày 12 tháng 03 năm 2017

2. Giàng Thị X, sinh ngày 16 tháng 07 năm 2020

3. Giàng Thị S, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2021

4. Giàng Thị Th, sinh ngày 10 tháng 04 năm 2023

Các cháu Giàng Thị Ph, Giàng Thị X và Giàng Thị S, đang ở cùng anh C và ông bà nội tại bản Tà Dông, xã Cao Phạ, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; Cháu Giàng Thị Th, hiện đang ở cùng với chị S bên ông bà ngoại tại bản Thào Xa Chải, xã Nậm Có, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giàng Thị Th, giao cho anh C có trách nhiệm nuôi dưỡng 03 cháu là Giàng Thị Ph, Giàng Thị X, Giàng Thị S. Chị S và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung**.**

- *Về tài sản:* Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản xác minh ngày 03/08/2023:* Về quan hệ hôn nhân, con chung, giống như chị S đã trình bày. Tuy nhiên qua xác minh tại nơi cư trú và UBND xã Cao Phạ thể hiện: Chị S và anh C đang chung sống cùng với bố mẹ chồng không có tài sản chung, tại nơi cư trú anh Giàng A C thường xuyên vắng mặt tại địa phương, qua xác minh tại UBND xã Cao Phạ thì anh Cang là đối tượng nghi nghiện chất ma túy, thường xuyên lang thang, không có mặt tại địa phương. Tòa án và UBND xã triệu tập nhiều lần nhưng cố tình trốn trách, không chịu hợp tác, trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ và hòa giải tại Tòa án, anh C không có mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vừ Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải phát biểu ý kiến nhận định quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; Bị đơn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của chị S, xử cho chị S được ly hôn với anh C; giao cháu S và cháu Th cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao 02 cháu Ph và X cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Vừ Thị S khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn Giàng A C, trú tại bản Tà Dông, xã Cao Phạ, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải theo quy định tại các Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Giàng A C cố tình trốn tránh không tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Giàng A C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, đến ngày 17/05/2021 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Phạ, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Nay chị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C, nhưng anh C cố tình trốn tránh. Tuy nhiên xét thấy trong thời gian chung sống chị S và anh C đã có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh C nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ, con và gia đình, khiến cho chị S và anh C phải sống ly thân. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh C không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Giàng A C là có cơ sở cần được chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị Vừ Thị S và anh Giàng A C không thống nhất được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung. Do anh C trốn trách không chịu hợp tác với Tòa án, các cháu còn nhỏ. Do đó cần giao cho chị Vừ Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giàng Thị S, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2021 và Giàng Thị Th, sinh ngày 10 tháng 04 năm 2023; giao cho anh Giàng A C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giàng Thị Ph, sinh ngày 12 tháng 03 năm 2017 và Giàng Thị X, sinh ngày 16 tháng 07 năm 2020, để bảo đảm cho các cháu được học tập, phát triển về thể chất và tinh thần. Chị Vừ Thị S và anh Giàng A C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng phải đảm bảo quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Vừ Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về ý kiến giải quyết của kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Đương sự thuộc diện hộ nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hội đồng xét xử cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

-Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Vừ Thị S được ly hôn với anh Giàng A C.

2. Về con chung: Giáo cho chị Vừ Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giàng Thị Th, sinh ngày 10 tháng 04 năm 2023 và Giàng Thị S, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2021; giao cho anh Giàng A C trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Giàng Thị Ph, sinh ngày 12 tháng 03 năm 2017 và Giàng Thị X, sinh ngày 16 tháng 07 năm 2020. Chị Vừ Thị S và anh Giàng A C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yên cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tòng Văn Quân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện MCC;
- UBND xã Cao Phạ; huyện MCC;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.